

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/HNGĐ - PT

Ngày 29 - 3 - 2021

V/v “*Ly hôn, chia tài sản chung
khi ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khánh Vân

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Hữu Khoa

Ông Đặng Phi Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thu Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 29/3/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2020/TLPT-HNGĐ ngày 27/11/2020 về “*Ly hôn, chia tài sản chung khi ly hôn*” do bản án dân sự số 32/2020/HNGĐ-ST ngày 22/10/2020 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐ - PT ngày 11 tháng 01 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 08/2021/QĐ-PT ngày 02/02/2021, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 10/2021/QĐ-PT ngày 03/3/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T

Địa chỉ: Tổ 03, phường C, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thiên H - Địa chỉ: Tổ 01, phường C, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Hoàng Thọ S

Địa chỉ: Tổ 03, phường C, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Bùi Xuân D - Luật sư Văn phòng luật sư Q, Đoàn luật sư tỉnh Lào Cai. Địa chỉ: Số nhà 138, đường T, tổ 33, phường C, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Anh Nguyễn Viết H

Địa chỉ: Số 017B, đường P, phường C, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt, không có lý do.

- Chị Đoàn Thị Minh T,

Địa chỉ: Số 017B, đường P, phường C, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn chị Phạm Thị T và Bị đơn anh Hoàng Thọ S.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hoàng Thọ S tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn ngày 24/8/1992 tại UBND thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong chi tiêu gia đình và làm ăn kinh tế. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay không quan hệ về tình cảm cũng như kinh tế, chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Thọ S.

- Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống, anh chị có một người con chung là cháu Hoàng Minh P, sinh ngày 18/5/1993, cháu đã trưởng thành nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị T trình bày trong thời gian chung sống anh chị có khối tài sản chung bao gồm:

+ 01 Thửa đất diện tích 100m², trên đất xây dựng nhà 3 tầng tại: Số 008, đường S (nay là đường H), tổ 3, phường C (tổ 10, phường D cũ), thành phố L. Trị giá cả nhà và đất khoảng 6.000.000.000đ (Sáu tỷ đồng);

+ 01 thửa đất diện tích 215,4m², trên đất có nhà xây cấp IV tại địa chỉ tổ 21, phường Đ, thành phố Y, tỉnh Yên Bái, trị giá khoảng 1.5000.000đ (Một tỷ năm trăm triệu đồng);

+ 01 xe ô tô hiệu Mercedes-Benz mua năm 2014. Biển kiểm soát 24A-035.37. Trị giá xe khoảng 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng);

+ 01 khoản tiền tiết kiệm đứng tên Hoàng Thọ S với số tiền 4.500.000.000đ (Bốn tỷ năm trăm triệu đồng).

Tổng tài sản chung trị giá khoảng 13.000.000.000đ (*Mười ba tỷ đồng*). Chị T đề nghị chia đôi khối tài sản trên.

Ngày 01/9/2020, chị Phạm Thị T có đơn xin rút đối với yêu cầu chia tài sản là 01 thửa đất diện tích 215,4m², trên đất có nhà xây cấp IV tại địa chỉ tổ 21, phường Đ, thành phố Y, tỉnh Yên Bái, trị giá khoảng 1.500.000.000đ (*Một tỷ năm trăm triệu đồng*).

Bị đơn anh Hoàng Thọ S trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh nhất trí về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn như chị T đã trình bày trong đơn khởi kiện. Thời gian khi mới kết hôn anh chị vẫn chung sống hạnh phúc, tuy nhiên đến năm 2018 mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng do bất đồng về quan điểm sống, bất đồng trong làm ăn kinh tế, vợ chồng không có tiếng nói chung, anh chị đã sống ly thân được hơn 01 năm. Đến nay chị T có đơn xin ly hôn, anh cũng đồng ý.

- Về quan hệ con chung: Anh S xác nhận anh chị có một người con chung là cháu Hoàng Minh P, sinh ngày 18/5/1993, cháu đã trưởng thành vì vậy anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh S xác nhận trong thời gian chung sống anh, chị có khối tài sản chung gồm:

+ 01 thửa đất diện tích 100m², trên đất xây dựng nhà 3 tầng tại: Số 008, đường S (nay là đường H), tổ 3, phường C (tổ 10, phường D cũ), thành phố L. Trị giá cả nhà và đất khoảng 7.500.000.000đ (*Bảy tỷ, năm trăm triệu đồng*);

+ 01 xe ô tô hiệu Mercedes-Benz mua năm 2014. Biển kiểm soát 24A-035.37. Trị giá xe khoảng 550.000.000đ (*Năm trăm năm mươi triệu đồng*).

Các tài sản này anh S đề nghị chia theo quy định của pháp luật, có xem xét về công sức đóng góp của các bên. Đối với thửa đất diện tích 215,4m², trên đất có nhà xây cấp IV tại địa chỉ tổ 21, phường Đ, thành phố Y, tỉnh Yên Bái, anh S cho rằng đây là tài sản anh thay mặt các anh, chị, em trong gia đình đứng tên tài sản này. Nhà và đất được sử dụng vào mục đích thờ cúng gia tiên nên không phải là tài sản chung của anh và chị T. Đối với khoản tiền tiết kiệm đứng tên Hoàng Thọ S với số tiền 4.500.000.000đ (*Bốn tỷ năm trăm triệu đồng*) anh S cho rằng chị T không có việc làm ổn định nên đã rút ra và đưa cho chị T quản lý, chi tiêu gia đình, hiện nay khoản tiền này không còn nên không phải là tài sản chung để chia.

Ngoài các tài sản như chị T đã nêu, theo anh S thì tài sản chung của anh chị còn có các tài sản khác như:

+ Các đồ dùng sinh hoạt trong gia đình như: Tivi, tủ lạnh, bàn ghế, điều hòa, máy giặt...và 01 chiếc xe máy SPACY, biển kiểm soát 24B1- 488.55 mang tên Phạm Thị T. Tổng giá trị khoảng 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*).

+ 01 hợp đồng cho thuê nhà, còn hiệu lực do chị T ký từ tháng 02/2019 đến tháng 02/2021. Theo hợp đồng mỗi năm thu tiền 1 lần, chị T đã thu 240.000.000 đồng (*Hai trăm bốn mươi triệu đồng*).

+ 01 hợp đồng bảo hiểm nhân thọ mang tên Hoàng Thọ S nộp phí đến hiện nay là 41.000.000 đồng, 07 hợp đồng mang tên chị Phạm Thị T ước tính giá trị 200.000.000 đồng. Tổng giá trị hợp đồng bảo hiểm nhân thọ là 241.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi một triệu đồng).

Tổng số giá trị tài sản anh S đề nghị chia bổ sung là 681.000.000 đồng. Anh S đề nghị Tòa án giải quyết chia đôi mỗi người 340.500.000 đồng (Ba trăm bốn mươi triệu năm trăm nghìn đồng).

Người có quyền lợi liên quan là anh Nguyễn Viết H, chị Đoàn Thị Minh T trình bày:

Anh, chị có ký hợp đồng thuê nhà (tầng 1) với hộ gia đình chị Phạm Thị T tại địa chỉ: Số 008, đường H, tổ 3, phường C, thành phố L để làm ăn kinh doanh. Hợp đồng đã duy trì lâu dài và tiếp tục ký kỳ tiếp theo vào ngày 10/02/2019 đến 10/02/2021 là hết hạn hợp đồng. Hình thức thanh toán là 01 lần/01 năm, trả vào đầu kỳ. Đến nay anh chị đã thanh toán đủ số tiền thuê nhà trong 02 năm là 240.000.000đ cho chị T. Nay anh S, chị T ly hôn và chia tài sản là thửa đất, tài sản trên đất có ngôi nhà anh chị đang thuê (tầng 1), quan điểm của anh Hiền và chị Thúy vẫn tiếp tục được thuê nhà theo hợp đồng đã ký kết, trường hợp bên nào vi phạm nội dung đã ký kết thì giải quyết theo quy định. Đến nay anh, chị vẫn giữ nguyên quan điểm và đều có đơn xin vắng mặt trong các buổi làm việc, xét xử tại Tòa án.

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, các bên đương sự có ý kiến đối với khối tài sản chung đề nghị như sau:

- Những tài sản chung các đương sự đã thống nhất để chia gồm:

+ Giá trị của tài sản trên đất là căn nhà 03 tầng trên diện tích 100m² tại địa chỉ: Số 008, đường H, tổ 3, phường C, thành phố L, tỉnh Lào Cai (Theo kết quả thẩm định và định giá) trị giá là: 480.000.000đ;

+ Giá trị các vật dụng trong nhà như tivi, tủ lạnh, điều hòa, bàn ghế... và 01 chiếc xe máy Spacy Biển kiểm soát 24B1-488.55 (Theo kết quả thẩm định và định giá) có giá trị 91.000.000đ;

+ 01 xe ô tô hiệu Mercedes-Benz mua năm 2014. Biển kiểm soát 24A-035.37 mang tên Hoàng Thọ S (Theo kết quả thẩm định và định giá) trị giá chiếc xe là 900.000.000đ;

+ Giá trị hợp đồng cho thuê nhà từ tháng 02/2019 đến tháng 02/2021 là 240.000.000đ.

Tổng giá trị tài sản thống nhất được là: 1.711.000.000đ. Các đương sự thống nhất chia đôi giá trị tài sản, mỗi người được chia là 855.500.000đ. Trường hợp tài sản được giao cho một bên quản lý, sử dụng thì bên kia trả số tiền chênh lệch của tài sản cho bên còn lại.

Tài sản chung các đương sự đã không thống nhất được việc chia và tài sản bị đơn không xác định là tài sản chung bao gồm: 01 Thửa đất diện tích 100m² tại địa chỉ: Số nhà 008, đường H, tổ 3, phường C, thành phố L. Kết quả định giá đã

xác định được trị giá đất là 5.500.000.000đ (*Năm tỷ năm trăm triệu đồng*). Các đương sự thống nhất giá trị đất nhưng không thống nhất được về phương thức chia tài sản này. Nguyên đơn đề nghị chia đôi giá trị đất, bị đơn cho rằng diện tích đất tại thời điểm cấp đất anh S là cán bộ Hải quan, diện tích đất trên được cấp cho cán bộ Hải quan theo chế độ vì vậy anh đề nghị được chia theo theo tỷ lệ: chị T 1/3, anh S 2/3 phần giá trị đất.

Đối với khoản tiền gửi tiết kiệm 4.500.000.000đ (*Bốn tỷ năm trăm triệu đồng*) được gửi tại Ngân hàng L chi nhánh Lào Cai và được rút tại Ngân hàng L chi nhánh Yên Bái. Trong đó số tiền gửi là 4.500.000.000đ. Ngày 05/9/2018 anh Hoàng Thọ S thế chấp sổ tiết kiệm trên, mục đích vay tiêu dùng, hình thức giải ngân: Rút tiền mặt. Ngày 19/9/2018 đến hạn sổ tiết kiệm, anh S đã tắt toán để trả khoản tiền vay (lãi tiền gửi 158.794.521đ, lãi tiền vay 16.408.260đ). Tổng số tiền tiết kiệm (tiền gửi và tiền lãi) là 4.642.386.261đ (*Bốn tỷ sáu trăm bốn mươi hai triệu ba trăm tám mươi sáu nghìn hai trăm sáu mươi một đồng*). Nguyên đơn đề nghị xác định đây là tài sản chung và đề nghị chia đôi tài sản này; bị đơn xác định đây không phải là tài sản chung của vợ chồng nên không nhất trí chia tài sản này.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh S rút yêu cầu chia giá trị các hợp đồng bảo hiểm tổng giá trị 241.000.000đ.

Bản án sơ thẩm số 32/2020/HNGĐ-ST ngày 22/10/2020 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 33, 51, 55, 59, 60, 62, 64 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 157, 165, Điều 235, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị Quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị T và anh Hoàng Thọ S.

2. Về quan hệ tài sản: Chấp nhận yêu cầu chia tài sản của chị Phạm Thị T và chấp nhận một phần yêu cầu chia tài sản bổ sung của anh Hoàng Thọ S.

2.1. Tổng giá trị khối tài sản chung: 11.853.386.261đ (*Mười một tỷ, tám trăm năm mươi ba triệu, ba trăm tám mươi sáu nghìn, hai trăm sáu mươi một đồng*). Số tiền chị T được chia là 5.006.693.130đ (*Năm tỷ, không trăm linh sáu triệu, sáu trăm chín mươi ba nghìn, một trăm ba mươi đồng*); Số tiền anh S được chia là: 6.846.693.131đ (*Sáu tỷ, tám trăm bốn mươi sáu triệu, sáu trăm chín mươi ba nghìn, một trăm ba mươi một đồng*).

2.2. Về giao quyền quản lý, sử dụng tài sản:

- Giao anh Hoàng Thọ S được quyền quản lý, sử dụng chiếc xe ô tô hiệu Mercedes-Benz mua năm 2014, biển kiểm soát 24A-035.37.

- Giao chị Phạm Thị T được quyền quản lý, sử dụng thửa đất và các tài sản trên đất gồm nhà xây 3 tầng, các vật dụng trong nhà như tivi, tủ lạnh, máy giặt, điều hòa... và chiếc xe máy Spacy, biển kiểm soát 24B1-488.5. Đất do

UBND tỉnh Lào Cai cấp theo GCNQSDĐ số 623574, vào sổ số 00459/QSDĐ/QĐ-T-98-D3-62 ngày 16/11/1998 mang tên hộ ông Hoàng Thọ S và bà Phạm Thị T. Nhà và đất có tứ cận như sau: Phía Đông giáp số nhà 006, đường H (đường S cũ), thành phố L của hộ bà Nguyễn Thị H; phía Tây giáp số nhà 008 đường H (đường S cũ), thành phố L của hộ bà Hoàng Thị Kim L; phía Nam giáp với đường H (đường S cũ), thành phố L; phía Bắc giáp với đất của trụ sở Công an thành phố L. Nhà và đất tại địa chỉ: Số 008, đường H (đường S cũ), tổ 3, phường C, thành phố L, tỉnh Lào Cai. (Theo biên bản xem xét, thẩm định ngày 28/8/2020). Chị Phạm Thị T có quyền, nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà theo quy định pháp luật.

Chị Phạm Thị T có trách nhiệm thanh toán số tiền chênh lệch cho anh Hoàng Thọ S là 1.874.306.870đ (*Một tỷ tám trăm bảy mươi tư triệu ba trăm linh sáu nghìn tám trăm bảy mươi đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, hàng tháng bên có nghĩa vụ phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2.3. Đình chỉ một phần yêu cầu chia tài sản bổ sung của anh Hoàng Thọ S đối với việc chia giá trị các hợp đồng bảo hiểm có tổng giá trị là 241.000.000 đồng (*Hai trăm bốn mươi một triệu đồng*).

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án cho các đương sự.

Ngày 03/11/2020, Bị đơn anh Hoàng Thọ S kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về phần chia tài sản chung và công nợ. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chia tài sản chung theo hướng anh Hoàng Thọ S được quản lý, sử dụng nhà đất tại số 008, đường H, tổ 3, phường C, thành phố L, xe ô tô và trả tiền chênh lệch chia tài sản cho chị Phạm Thị T số tiền là 1.147.833.330 đồng. Chị Phạm Thị T được chia nhà ở tại Hà Nội, tài sản khác và được nhận tiền chênh lệch tài sản. Ngoài ra, anh Hoàng Thọ S yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết chia tài sản chung là tiền gửi tiết kiệm mang tên chị T, tiền bảo hiểm.

Ngày 05/11/2020, Nguyên đơn chị Phạm Thị T Kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về phần chia tài sản chung. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết chia cho chị Phạm Thị T được hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị quyền sử dụng đất diện tích 100m² tại số nhà 008, tổ 3, phường C, thành phố L, tỉnh Lào Cai và buộc anh Hoàng Thọ S phải chịu khoản tiền lãi phát sinh là 16.408.260 đồng và tiền lãi của số tiền đã gửi tính từ ngày anh Hoàng Thọ S rút tiền tại Ngân hàng L - Chi nhánh Yên Bái cho đến nay.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn chị Phạm Thị T giữ nguyên đơn khởi kiện và nội dung kháng cáo. Bị đơn anh Hoàng Thọ S có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt, trong đó có ý kiến giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị TAND

tỉnh Lào Cai chia tài sản là số tiền chị T gửi tiết kiệm và giao dịch tại các Ngân hàng mà Tòa án thu thập được theo tỷ lệ mỗi người một nửa, không chia tài sản là số tiền 3.400.000.000 đồng, trường hợp không có đầy đủ chứng cứ do Tòa án sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng anh S đề nghị cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Hội đồng xét xử, thư ký tòa án đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng Dân sự: Hủy một phần bản án sơ thẩm số 32/2020/DS-ST ngày 22/10/2020 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai về quan hệ tài sản. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai giải quyết lại vụ án về việc chia tài sản chung vợ chồng khi ly hôn theo thủ tục sơ thẩm; Tuyên án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ, toàn diện các chứng cứ.

Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của chị Phạm Thị T và anh Hoàng Thọ S có đầy đủ nội dung theo quy định pháp luật, nộp trong hạn luật định là hợp lệ.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, chị Phạm Thị T và anh Hoàng Thọ S đều xác nhận tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và nhất trí ly hôn. Tòa án sơ thẩm công nhận sự thuận tình ly hôn của chị T và anh S. Sau khi xét xử sơ thẩm, các đương sự không kháng cáo về phần này nên quyết định của bản án sơ thẩm về việc công nhận thuận tình ly hôn giữa chị T và anh S có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Xét kháng cáo của Bị đơn anh Hoàng Thọ S:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thấy rằng trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án sơ thẩm đã yêu cầu các đương sự trình bày cũng như có các buổi làm việc, phiên họp hòa giải để xác định khối tài sản chung hình thành trong thời kỳ hôn nhân giữa chị Phạm Thị T và anh Hoàng Thọ S. Theo đó, các đương sự thống nhất xác định tài sản chung bao gồm:

+ Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất là căn nhà 03 tầng trên diện tích 100m² tại địa chỉ: Số 008, đường H, tổ 3, phường C, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Theo kết quả thẩm định và định giá thì giá trị quyền sử dụng đất là 5.500.000.000 đồng và nhà trên đất có giá trị 480.000.000 đồng;

+ Giá trị các vật dụng trong nhà như tivi, tủ lạnh, điều hòa, bàn ghế... và 01 chiếc xe máy Spacy Biển kiểm soát 24B1-488.55 (Theo kết quả thẩm định và được định giá) có giá trị 91.000.000đ;

+ 01 xe ô tô hiệu Mercedes-Benz mua năm 2014. Biển kiểm soát 24A-035.37 mang tên Hoàng Thọ S (Theo kết quả thẩm định và định giá) trị giá chiếc xe là 900.000.000đ;

+ Giá trị hợp đồng cho thuê nhà từ tháng 02/2019 đến tháng 02/2021 là 240.000.000đ.

Đối với tài sản là số tiền gửi tiết kiệm 4.642.386.261 đồng được gửi tại Ngân hàng L (tiền gốc: 4.500.000.000 đồng và tiền lãi 142.386.261 đồng) nguyên đơn chị T cho rằng đây là tài sản chung nhưng bị đơn anh S cho rằng đây không phải tài sản chung và hiện nay số tiền này cũng không còn nên không thể xác định là tài sản chung để chia.

Theo Đơn kháng cáo, bị đơn anh Hoàng Thọ S trình bày ngoài các tài sản trên thì anh và chị Thành còn các tài sản chung khác, cụ thể bao gồm:

- Căn nhà tại số 7/44 N, phường Ô, quận Đ, thành phố Hà Nội, nguồn gốc là do anh S đưa cho chị T số tiền 1.100.000.000đ trong khoản tiền 4.500.000.000đ để mua nhà cho con gái của anh chị là Hoàng Minh P ở và tiện cho việc chị T đi chữa bệnh.

- Số tiền tiết kiệm 1.300.000.000 đồng (*Một tỷ ba trăm triệu đồng*) chị T đang gửi tiết kiệm ở các Ngân hàng N - Chi nhánh tỉnh Lào Cai, Ngân hàng N - Chi nhánh Lào Cai II, Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Lào Cai, phòng giao dịch thành phố, Ngân hàng TMCP L - Chi nhánh Lào Cai.

Ngoài ra, anh S còn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm tiếp tục giải quyết chia tài sản chung là giá trị các hợp đồng bảo hiểm chị T và anh S mua tại Công ty B.

Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, ngày 08/9/2020 anh Hoàng Thọ S có Bản giải trình bổ sung trong đó có trình bày về việc anh S có đưa cho chị T số tiền 1.100.000.000 đồng (*Một tỷ một trăm triệu đồng*) để mua nhà tại Hà Nội mục đích để cho con gái là cháu Hoàng Minh P ở và làm việc tại Hà Nội và khoản tiền anh S đưa cho chị T hiện đang được chị T gửi tiết kiệm ở Ngân hàng N - Chi nhánh Lào Cai và Ngân hàng L Lào Cai. Tuy nhiên, đối với tài sản là căn nhà ở Hà Nội và khoản tiền tiết kiệm chị T gửi tại Ngân hàng thì anh S trình bày và xác định nguồn gốc hình thành các tài sản này là do anh rút từ khoản tiền tiết kiệm 4.500.000.000 đồng gửi tại Ngân hàng L để đưa cho chị T, qua đó chứng minh việc anh S đã sử dụng khoản tiền tiết kiệm này vào mục đích chung của gia đình và hiện nay không còn số tiền này nữa. Ngoài ra, anh S

không đề nghị Tòa án sơ thẩm chia tài sản chung là căn nhà tại Hà Nội và tiền tiết kiệm đang đứng tên chị T tại Ngân hàng. Sau khi có Bản giải trình bổ sung, tại phiên họp hòa giải ngày 18/9/2020 và ngày 25/9/2020 thì anh S cũng không có yêu cầu Tòa án giải quyết chia các tài sản chung này. Do đó, Tòa án sơ thẩm không xem xét về việc tài sản là căn nhà tại số 44, phố N, phường Ô, quận Đ, thành phố Hà Nội và khoản tiền tiết kiệm đứng tên chị T có phải là tài sản chung vợ chồng để chia hay không là phù hợp.

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Tòa án đã thu thập các chứng cứ liên quan đến nội dung kháng cáo của bị đơn anh S. Theo chứng cứ do chị T cung cấp thì tài sản là quyền sử dụng đất và nhà tại số 44, tổ 38, N, phường Ô, quận Đ, thành phố Hà Nội hiện được Sở Tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội cấp GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho chị Hoàng Minh P (con gái của chị T và anh S). Chị T cho rằng tài sản này chị và anh S đã thống nhất tặng cho con gái, không phải là tài sản chung vợ chồng nên không nhất trí chia. Anh S cho rằng tài sản này là tài sản chung, tiền mua nhà là do anh đưa cho chị T số tiền 1.100.000.000 đồng và yêu cầu Tòa án giải quyết chia đôi, anh S và chị T mỗi người được hưởng giá trị là 550.000.000 đồng, trong đó giao nhà cho chị T sở hữu sử dụng và trả tiền chênh lệch cho anh S.

Theo Đơn yêu cầu của các đương sự, Tòa án đã thu thập chứng cứ liên quan đến chi tiết các khoản tiền tiết kiệm chị Phạm Thị T và anh Hoàng Thọ S gửi tại các ngân hàng, chi tiết giao dịch gửi tiền, chuyển tiền, rút tiền. Theo Văn bản số 11/NHNo.LCII-KTNB.m ngày 12/3/2021 của Ngân hàng N - Chi nhánh Lào Cai, Biên bản cung cấp thông tin khách hàng ngày 26/02/2021 và ngày 12/3/2021 của Ngân hàng TMCP C, Văn bản số 07/BIDV.LCA-QLRR ngày 20/01/2021 của Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Lào Cai thì trong khoảng thời gian từ năm 2015 - 2017 chị Phạm Thị T, anh Hoàng Thọ S có gửi tiết kiệm một số khoản tiền nhất định và các tài khoản tiền kiệm đều đã tắt toán. Tại bản giải trình cả chị T và anh S đều cho rằng các khoản tiền tiết kiệm là tiền gửi trong quá trình chung sống nhưng đều đã tắt toán rút ra để chi tiêu công việc trong gia đình nên hiện không còn để chia. Tại phiên tòa phúc thẩm chị T thừa nhận hiện nay chị đang quản lý số tiền là 800.000.000 đồng gửi tiết kiệm tại các ngân hàng, trong đó có 100.000.000 đồng là khoản tiền phúng viếng của bố chị và tiền vợ chồng chị bù thêm vào gửi ngân hàng để sang cát cho bố chị, còn lại 700.000.000 đồng là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân, chị đồng ý chia đôi số tiền này, mỗi người được hưởng 1/2.

Như trên đã phân tích thì tại cấp sơ thẩm bị đơn anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết chia các tài sản chung như trên. Các chứng cứ liên quan đến tài sản là nhà và đất tại số 44, N, phường Ô, quận Đ, thành phố Hà Nội và tài khoản tiền gửi của chị T tại Ngân hàng là chứng cứ mới phát sinh tại cấp phúc thẩm. Theo Điều 270 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *“Xét xử phúc thẩm là việc Tòa án cấp phúc thẩm trực tiếp xét xử lại vụ án mà bản án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo, kháng nghị”*. Vì vậy, tại cấp phúc thẩm Tòa án không có căn cứ để xem xét yêu cầu bổ sung của anh S

trên mà chỉ xem xét các vấn đề trong phạm vi bản án sơ thẩm đã giải quyết. Tuy nhiên, việc xem xét, xác định tài sản là nhà đất tại Hà Nội và tài khoản tiết kiệm đứng tên chị T và anh S tại các Ngân hàng có phải tài sản chung hình thành trong thời kỳ hôn nhân giữa chị T với anh S hay không và có liên quan đến số tiền 4.500.000.000đ anh S gửi tiết kiệm và đã rút ra hay không để có căn cứ chia tài sản chung khi ly hôn là cần thiết. Trên cơ sở đó xem xét công sức đóng góp của chị T và anh S đối với việc tạo dựng khối tài sản chung vợ chồng để có thể giải quyết vụ án một cách triệt để, đảm bảo quyền lợi ích của đương sự. Vì vậy, HĐXX phúc thẩm xét thấy cần hủy một phần của bản án sơ thẩm về chia tài sản chung khi ly hôn, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại.

[4] Xét kháng cáo của Nguyên đơn chị Phạm Thị T:

Chị T kháng cáo bản án sơ thẩm đối với phần chia tài sản chung là quyền sử dụng diện tích 100m² tại số 008, tổ 3, phường C, thành phố L, tỉnh Lào Cai và số tiền lãi phát sinh là 16.408.260 đồng và tiền lãi của số tiền đã gửi tính từ ngày anh S rút tiền tại Ngân hàng L - Chi nhánh tỉnh Yên Bái cho đến nay. Như đã phân tích ở phần trên thì do phát sinh chứng cứ, tình tiết mới nên cần thiết hủy một phần bản án sơ thẩm về quan hệ tài sản để tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại. Vì vậy, nội dung kháng cáo này của chị T cũng sẽ được xem xét, đánh giá khi giải quyết lại vụ án ở cấp sơ thẩm.

[5] Về án phí: Do HĐXX hủy một phần bản án sơ thẩm về phần chia tài sản chung vợ chồng khi ly hôn nên chị Phạm Thị T và anh Hoàng Thọ S không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1, 3 Điều 308, Điều 310, Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Hủy một phần bản án sơ thẩm số 32/2020/DS-ST ngày 22/10/2020 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai về quan hệ tài sản. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai giải quyết lại vụ án về việc chia tài sản chung vợ chồng khi ly hôn theo thủ tục sơ thẩm.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về quan hệ hôn nhân, chi phí tố tụng, án phí ly hôn không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị. Về án phí chia tài sản sẽ được xác định lại khi giải quyết lại vụ án. Tuy nhiên, do nguyên đơn chị Phạm Thị T nộp tạm ứng án phí sơ thẩm (bao gồm cả tiền tạm ứng án phí ly hôn và tiền tạm ứng án phí chia tài sản) trong một biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án nên việc xử lý tiền tạm ứng án phí sẽ được xem xét, quyết định khi tòa án sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

2. Về án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm:

Chị Phạm Thị T và anh Hoàng Thọ S không phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm. Trả lại cho chị Phạm Thị T và anh Hoàng Thọ S mỗi người số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí số AB/2012/0008694 và số AB/2012/0008695 ngày 05/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lào Cai (2);
- TAND Tp.L;
- Chi cục THADS Tp.L;
- Các đương sự;
- Người BV Q&LI HP;
- Lưu VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Khánh Vân